

# LỊCH SỬ ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN TRONG GIÁO DỤC TỪ XA CỦA CÁC NƯỚC KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI- LIÊN HỆ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM

**Th.s Đặng Văn Dân**

*Viện Đại học Mở Hà Nội*

**PGS.TS. Vũ Kim Dũng**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Lĩnh vực công nghệ và phương tiện truyền thông đã được công nghệ giáo dục nghiên cứu, sử dụng và có nhiều kết quả trong những năm qua, các công trình nghiên cứu đã được công bố là cơ sở cho việc lựa chọn và sử dụng phương tiện trong giáo dục từ xa. Việc nghiên cứu các phương tiện giáo dục có giá trị trong cả hai lĩnh vực: Giáo dục từ xa và giáo dục tập trung, cho dù ngày nay hệ thống giáo dục đã sử dụng các công nghệ mới như: Phương tiện Internet và điện thoại di động, nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết trong giáo dục. Bài viết tập trung vào việc đánh giá, tổng kết ứng dụng các phương tiện trong giáo dục từ xa của các nước trong khu vực và thế giới, từ đó liên hệ thực tiễn ứng dụng các phương tiện trong giáo dục từ xa tại Việt Nam.*

## **1. Kinh nghiệm thế giới**

### **1.1. Sự phát triển hệ thống phần cứng của giáo dục từ xa**

Trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ truyền thông mới xuất hiện, những công nghệ này đã được áp dụng cho giáo dục với mức độ thành công của mỗi nước khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện cơ sở hạ tầng công nghệ của mỗi nước. Giáo dục từ xa đã chứng kiến việc sử dụng rộng rãi tất cả các công nghệ truyền thông. Taylor (2000) đã mô tả sự phát triển công nghệ giáo dục từ xa qua năm giai đoạn: (i) mô hình học hàm thụ: Bằng cách gửi tài liệu cho học viên qua bưu điện, giáo viên muốn khắc phục khó khăn của học viên về địa lý, hoàn cảnh cá nhân không đến trường được. Phương pháp này tuy đã giải quyết những khó khăn của học viên, nhưng thiếu sự phối hợp trực tiếp giữa giáo viên và học viên; (ii) mô hình đa phương tiện: Là phương pháp kết hợp giữa tài liệu in ấn với phương tiện nghe-nhìn và máy tính. Mặc dù sự tương tác giữa học viên và giáo viên còn hạn chế và phụ thuộc vào thư và điện thoại nhưng nó đã tăng lên sự ham muốn học tập của học viên nhờ công cụ hỗ trợ học tập; (iii) mô hình học tập qua phương tiện viễn thông: Bao gồm các tương tác đồng bộ như hội thảo truyền hình giữa giáo viên và học viên, phương pháp này

khắc phục được sự phụ thuộc vào thời gian, địa điểm, tốc độ; (iv) mô hình học tập linh hoạt: Là sự kết hợp của các mô hình trước đây với sự hỗ trợ đặc biệt của Internet và Website toàn cầu (WWW). Sự tác động qua lại giữa thầy-trò và trò-trò được khắc phục bằng các phương pháp e-mail, trực tuyến. Các giải pháp cho thời gian, địa điểm và tốc độ có thể được giải quyết mà không mất lợi thế về tương tác đồng bộ; (v) mô hình học tập linh hoạt thông minh: Là sự khác biệt cơ bản của mô hình này với các mô hình trước về sử dụng công nghệ trực tuyến bao gồm các cơ sở dữ liệu và hệ thống trả lời tự động. Tổng kết của Taylor (2000) đã so sánh lợi thế của năm thế hệ về khả năng đáp ứng linh hoạt với các vấn đề của học viên về hoàn cảnh cá nhân, thời gian, địa lý và tốc độ học tập. Hệ thống phân loại này giúp lựa chọn các phương tiện truyền thông phù hợp cho mục đích giáo dục từ xa. Tóm tắt của Taylor có giá trị như phần giới thiệu về các công nghệ để xem xét tại các cơ sở giáo dục từ xa tại nước ta. Tuy nhiên, không có phương tiện truyền thông nào có thể phù hợp trong điều kiện mới mà không cần kiểm tra. Như vậy, thế hệ thứ nhất của phương tiện giáo dục từ xa được sử dụng mô hình học tập qua thư, một hệ thống học độc lập sử dụng tài liệu in ấn là phương tiện học chủ yếu, giáo viên gửi tài liệu và hướng dẫn

học tập cho học viên qua thư, và học viên gửi bài cho thầy giáo cũng qua phương tiện thư từ. Thế hệ thứ hai có đặc điểm sử dụng công nghệ âm thanh và video (mô hình đa phương tiện), bằng sự tương tác của công nghệ máy tính dựa vào công nghệ video tương tác. Đại học Mở Vương quốc Anh là trường Đại học Mở đầu tiên trên thế giới đã cho ra đời thế hệ truyền thông thứ ba dựa trên công nghệ ghi âm và phát sóng. Trong giai đoạn này đã phát triển hệ thống phân phát tài liệu học tập sử dụng tivi, radio và cassette cùng với phòng học truyền hình và tương tác âm thanh.

Sách giáo khoa và các phương tiện truyền thông như tivi và radio đã được sử dụng rộng rãi đối với giáo dục từ xa nhưng vẫn không hiệu quả cho việc tương tác giữa giáo viên và học viên. Mặt khác audio/video cung cấp hai cách truyền thông nhưng phạm vi bao phủ còn hạn chế bởi yêu cầu về thiết bị phức tạp và tốn kém (Bates, 1995). Một ưu tiên trong giáo dục từ xa là lựa chọn phương tiện học tập có khả năng tăng cường độ và chất lượng của việc tương tác tình huống giảng dạy và học tập, các chương trình giáo dục không bị ảnh hưởng cần phải được mở rộng phạm vi. Thế hệ thứ tư của các phương tiện giáo dục (mô hình học tập linh hoạt) đáp ứng được cùng một lúc tất cả các nhu cầu trên, dựa vào việc sử dụng rộng rãi Internet, đặc biệt đối với các chức năng tương tác mà Taylor (2000) đề cập là phương tiện truyền thông giao tiếp. Thế hệ thứ tư đã phát triển nhanh chóng và kết hợp tất cả khả năng của các phương tiện các thế hệ trước đó để giải quyết mọi nhu cầu đối với sự linh hoạt về thời gian học tập, địa điểm học tập và cho sự lựa chọn giữa sự đồng bộ và không đồng bộ về sự tương tác. Thế hệ thứ năm (mô hình học tập linh hoạt thông minh) về cơ bản giống như mô hình thế hệ thứ tư, nhưng được trang bị thêm các thiết bị tự động chuyên dụng, như cơ sở dữ liệu, hệ thống trả lời tự động các trang web để tăng mức độ truy cập của học viên vào các nguồn tài liệu và dịch vụ hỗ trợ học tập. Thế hệ thứ tư và thứ năm trong giáo dục từ xa các lớp học qua mạng và điện thoại di động, các nguồn học liệu mở đã được tạo ra. Thế hệ thứ năm của phương tiện học tập nhanh chóng có vị trí trong giáo dục từ xa nhờ giảm chi phí đáng kể cho giáo dục từ xa.

### **1.2. Phương tiện kết hợp**

Sự phát triển nhanh chóng về công nghệ, phương tiện đã tạo sự kết hợp sáng tạo của các phương tiện với sự gắn kết quan trọng đối với người sử dụng trong học tập. Những phương tiện này bao gồm việc ghép nối của công nghệ không dây, phương pháp tính toán điện tử, và mạng điện thoại di động dựa trên dịch vụ tin nhắn (SMS) và dịch vụ tin nhắn đa phương tiện (MMS). Một hình thức kết hợp truyền thống được thực hiện bất cứ khi nào khi các phương tiện khác nhau được kết hợp trong cùng một chương trình giảng dạy. Tại nhiều cơ sở giáo dục từ xa, năm thế hệ công nghệ giáo dục từ xa cùng tồn tại, một chương trình có thể có tất cả các thành phần sau: (i) tài liệu học tập (bao gồm: In, không in ấn, trực tuyến); (ii) hỗ trợ học tập (bao gồm: Trực tiếp, điện thoại, fax, trực tuyến, phát thanh, truyền hình); (iii) đánh giá học viên (giám sát và tự đánh giá, trực tiếp và từ xa).

Ở các nước phát triển như Châu Âu và Bắc Mỹ, có rất nhiều phương tiện truyền thông hiện nay không được sử dụng nữa do ảnh hưởng của phương pháp trực tuyến. Quá trình này được bắt đầu từ những năm 1990 khi các đài truyền hình, phát thanh chấm dứt các chương trình phát thanh và truyền hình giáo dục, vì họ cho rằng website toàn cầu là tất cả những gì mà giáo viên và học viên của họ cần tới. Trong khi đó đối với các nước đang phát triển, các tài liệu của website không thể truy cập đối với một bộ phận đáng kể dân cư do cơ sở hạ tầng công nghệ truyền thông của những nước này còn hạn chế và lạc hậu, do vậy các phương tiện truyền thông cho phép “học tập điện tử” xuất hiện rộng mở hơn, đáng tin cậy hơn và dân chủ hơn các phương pháp dựa trên Internet. Học tập điện tử ở Châu Á như sự kết hợp các phương tiện truyền thông như tivi, đài phát thanh truyền hình và phương tiện trực tuyến mới. Sự sáng tạo phương tiện kết hợp đã được áp dụng ở Ấn Độ, với việc sử dụng đường sắt để mở rộng truy cập giáo dục. Những chuyến tàu học tập do chính phủ tài trợ bao gồm cả tuyến đường sắt Vigyan (2003-04), những chuyến tàu “tự do học tập” (2007-08) cung cấp thông tin về giáo dục đào tạo qua các phương tiện truyền thông đa phương tiện cho tất cả người dân trong cả nước. Trong khi đó, Đại học Phát Thanh Truyền hình Trung Quốc đang sử dụng các thiết bị này trong đào tạo (Chen Li, 2007). Ở Nga và U-crai-na, việc kết hợp các phương tiện mới và hệ thống đường sắt cho giáo dục và phát triển xã

hội đã có từ thời phát triển của Lenin trong “tàu chiếu phim” vào năm 1919 (James, 1996a,b).

### **1.3. Phần mềm giáo dục mở**

Sự phát triển nhanh chóng của truyền thông cũ và mới đang trở nên thuận tiện do sự phát triển tiện ích của phương tiện truyền thông bằng cách tải xuống miễn phí từ Internet. Một loại hình mới của tài liệu chia sẻ khóa học đã được phát triển, đó là: Nội dung học mở, chương trình dạy học mở, nguồn học liệu mở. Thuật ngữ nguồn giáo dục mở (OER) được đặt tên tại cuộc họp của UNESCO (2002) trong việc sử dụng nguồn giáo dục mở của những nước đang phát triển, bao gồm các vấn đề sau: (i) nội dung học tập (Toàn bộ các khóa học, phần mềm khóa học, nội dung mô-đun, mục đích học tập, các bộ sưu tập, tạp chí); (ii) các công cụ phần mềm (Phát triển, sử dụng, tái sử dụng và phân phối các nội dung học tập, tìm kiếm và tổ chức các nội dung, nội dung phát triển các công cụ và hệ thống quản lý học tập, cộng đồng học tập trực tuyến); (iii) triển khai thực hiện các nguồn lực (Như cấp giấy phép sở hữu trí tuệ để thúc đẩy xuất bản các tài liệu học tập mở, và địa phương hóa nội dung). Sáu năm sau, rất nhiều cơ sở cung cấp nội dung học tập miễn phí bằng cách truy cập vào “các nguồn học liệu mở” trên công cụ tìm kiếm Google. Vào cuối 2007, có đến 314.000 trang web và danh mục liên quan đến nội dung này. Sự bùng nổ của việc xuất bản và chia sẻ tài liệu học tập đã tạo mọi khả năng việc dễ dàng sử dụng phần mềm học tập và hệ thống quản lý học tập. Sự phát triển phần mềm mã nguồn mở (OSS) đang tạo ra cuộc cách mạng sản xuất phần mềm cơ sở và các kỹ thuật mới như “blog” và “podcasting” đang cung cấp cho giáo viên và học viên sự thuận tiện cho việc tìm kiếm nhanh chóng các tài liệu trực tuyến.

### **1.4. Đối tượng học tập kỹ thuật số**

Các bài học riêng lẻ của tài liệu môn học được biết đến như là các “đối tượng học tập” (LOs). Wiley (2000) định nghĩa một LO là: “bất kỳ một vật thể nào, có thiết bị kỹ thuật số hay không có kỹ thuật số, mà có thể được sử dụng, tái sử dụng hoặc tham khảo trong quá trình công nghệ hỗ trợ học tập”. Để kích hoạt tính năng hiệu quả đóng góp của đối tượng học tập, một khối lượng khổng lồ các file chứa tài liệu trên mạng LOs đã được phát triển. Các thư viện hệ thống thông tin (LIS) ở Singapore là một công nghệ thông tin cho phép các giáo viên và học viên đóng

góp đề cương bài giảng, kế hoạch bài học, đối tượng học tập và tài liệu giảng dạy (Chaudhry & Khoo, 2006). Ấn Độ, thông qua một trong các trung tâm của Bộ Giáo dục Quốc gia, đã phát triển nội dung trực tuyến dành cho chương trình giáo dục K-12 thông qua cổng thông tin Edukasi.net. Sáng kiến này cung cấp cho giáo viên và học viên K-12 với các tài liệu học phong phú và giúp chuẩn bị kế hoạch bài học.

Tuy nhiên, tương đối ít các cơ sở giáo dục từ xa tại các nước Châu Á có thể phát triển các cổng thông tin về đối tượng học tập riêng, hoặc đạt được tiến bộ về đối tượng học tập bằng tiếng Anh có sẵn trên toàn thế giới do: (i) cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin truyền thông của các nước còn hạn chế; (ii) chi phí đầu tư với các thiết bị công nghệ còn quá tốn kém đối với các cơ sở giáo dục của các nước. Do vậy việc áp dụng công nghệ này từ những năm đầu tiên gặp khó khăn trở ngại ban đầu.

### **1.5. Địa phương hóa phần mềm**

Một khó khăn lớn nhất đối với việc sử dụng rộng rãi nguồn học liệu mở và các thiết bị kỹ thuật số là thiếu các phần mềm đã được địa phương hóa. Các khó khăn không chỉ đơn giản là dịch phần mềm sang tiếng địa phương, mà Hiệp hội Tiêu chuẩn Công nghiệp địa phương (LISA) đã cho rằng địa phương hóa là: “Tiếp nhận sản phẩm và làm cho sản phẩm đó trở nên có tính năng ngôn ngữ, kỹ thuật, văn hóa phù hợp với mục tiêu của vùng miền, nơi sản phẩm đó được sử dụng và đem bán”. Esselink (2003) mô tả các hoạt động địa phương hóa không nhất thiết là một phần của bản dịch truyền thống, bao gồm: (i) quản lý dự án bằng nhiều ngôn ngữ; (ii) phần mềm và trợ giúp thử nghiệm kỹ thuật trực tuyến; (iii) dễ dàng dịch tài liệu sang ngôn ngữ khác; (iv) bộ nhớ dịch thuật quản lý và sắp xếp; (v) sản phẩm hỗ trợ đa ngôn ngữ, (vi) tư vấn chiến lược dịch thuật.

## **2. Một số vấn đề Việt Nam cần nghiên cứu áp dụng**

Đối với giáo dục từ xa tại nước ta, hầu hết học viên là những người đang công tác, ở độ tuổi trưởng thành, có nguyện vọng rõ ràng và khả năng tự kiểm soát học tập. Học viên đến từ các nguồn khác nhau trong xã hội, đô thị và nông thôn, kinh doanh và công nghiệp, nông nghiệp, quân đội và công an. Người học theo phương thức giáo dục từ xa cũng có



động lực học tập khác nhau: Cho một mức độ hay phát triển sự nghiệp, làm giàu kiến thức hoặc một kỹ năng cụ thể. Học viên giáo dục từ xa tại nước ta chủ yếu áp dụng chế độ học tập, vừa học vừa làm tại các trung tâm địa phương. Để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người học, các cơ sở giáo dục từ xa cần cung cấp cho học viên phương pháp học tập linh hoạt và thuận tiện, phát huy kết quả học tập hiệu quả, trên cơ sở ứng dụng các phương tiện giáo dục phù hợp với từng đối tượng khác nhau, khai thác triệt để công nghệ Thông tin & Truyền thông, tạo cho người học tiếp cận với giáo dục đại chúng.

### **2.1. Tài liệu học tập (in, đa phương tiện, không in ấn, trực tuyến)**

Hầu hết người dân và học viên giáo dục từ xa cảm thấy rằng học tập dựa trên Công nghệ Thông tin Truyền thông tạo cho họ quyền lợi đáng kể, tiết kiệm thời gian và giúp họ học tập hiệu quả hơn, hiểu được các khái niệm, lý thuyết, tìm kiếm thông tin có liên quan một cách dễ dàng và làm cho việc học tập thú vị. Tuy nhiên, phần lớn người dân nước ta còn khó khăn về kinh tế, không đủ khả năng chi trả cho nguồn lực cần thiết để học tập trên công nghệ thông tin và truyền thông.

Vì vậy, cần phát triển học liệu in ấn làm phương tiện học tập chủ yếu, và sử dụng tài liệu in ấn để chuyển tải nội dung khóa học cho người học. Đây là phương tiện dễ truy cập nội dung học tập nhất nên vẫn đóng vai trò chủ đạo trong nhiều cơ sở giáo dục từ xa tại nước ta, các công nghệ cao được sử dụng để bổ sung hỗ trợ cho quá trình giảng dạy và học tập. Tuy nhiên các tài liệu in ấn cho giáo dục từ xa cần điều chỉnh phù hợp, đáp ứng các mục tiêu của chương trình giảng dạy đề ra. Trong việc lựa chọn sách, giáo trình cho môn học cần được xem xét: (i) nội dung của sách và giáo trình về mức độ phù hợp, phạm vi liên quan đến chủ đề môn học; (ii) hình thức của sách, giáo trình, uy tín, tính khả dụng và giá cả. Tài liệu hướng dẫn phải được thiết kế tương thích với sách, giáo trình và phải bao gồm các chi tiết: (i) mục tiêu môn học; (ii) sự liên quan của sách và giáo trình với các chủ đề và các mục tiêu của môn học; (iii) những giai đoạn của môn học, tài liệu học viên sẽ được cập nhật và phát triển; (iv) các dạng bài tập và các hoạt động khác sẽ được khuyến khích phát triển. Việc đóng gói, gửi tài liệu cho học viên thông qua các cơ sở giáo dục thường xuyên cần

đảm bảo đúng thời gian, tạo điều kiện cho học viên chủ động học tập và nghiên cứu trả nợ môn học đạt kết quả cao.

Học viên giáo dục từ xa ở nước ta hiện nay chủ yếu là những người trưởng thành đi học. Vì vậy, việc tiếp cận học tập của người lớn hoàn toàn khác với trẻ em. Do đó, thiết kế truyền thống các tài liệu dạy-học và cách tiếp cận cần quan tâm: (i) thái độ phát triển ở người trưởng thành như tính chín chắn, không thể chấp nhận bất kỳ điều gì mà không có câu hỏi về vấn đề đó. Người lớn tuổi thường đặt câu hỏi về tính hữu ích của một học liệu, một môn học nào đó. Người lớn tuổi chỉ nỗ lực vượt qua những tài liệu sau khi họ được thuyết phục, với những lợi ích trong nghề nghiệp, sở thích hoặc trong cuộc sống. Vì vậy, thiết kế sách hướng dẫn cần xác định nhu cầu và lợi ích cụ thể dành cho người trưởng thành để thu nhận được những thông tin mới trong việc tạo ra lợi ích của học liệu; (ii) kinh nghiệm của người trưởng thành: Mỗi người trưởng thành đều một mức độ kinh nghiệm xã hội. Cuộc sống, xã hội, và văn hóa là những ràng buộc chặt chẽ, những kinh nghiệm cá nhân của họ sẽ giúp ích cho kinh nghiệm học tập phù hợp với xã hội và cần được cân nhắc trong khi thiết kế các tài liệu học tập. Việc học tập của người trưởng thành nên xây dựng dựa trên những kinh nghiệm hiện có nhằm làm tăng lên tính hấp dẫn, phù hợp và mang lại lợi ích; (iii) tự định hướng trong học tập: Người trưởng thành có thể tự định hướng và tự chịu trách nhiệm của mình đối với việc học tập, công việc gia đình, xã hội, tư tưởng chính trị, văn hóa, sở thích cá nhân... Và có xu hướng thiết lập các mục tiêu riêng, chọn cho mình các khóa học và thực hiện theo phương pháp tiếp cận để học tập; (iv) sẵn sàng cho việc học: Người lớn tuổi thường quyết định một khóa học dựa trên lợi ích thu được từ khóa học và bắt đầu học bằng sự chín chắn và kinh nghiệm bản thân. Tuy vậy, người lớn tuổi cũng cần được bổ sung và hướng dẫn trước khi lựa chọn khóa học; (v) động lực của người trưởng thành: Sau khi quyết định khóa học, người lớn tuổi tiếp tục thể hiện động cơ của riêng họ bằng cách tự phát triển các nhu cầu cá nhân hơn là sự hỗ trợ từ bên ngoài; (vi) tập trung học tập: Học viên lớn tuổi thường là những người có mục tiêu theo định hướng và người lớn tuổi dễ dàng vượt qua những khó khăn hướng tới cuộc sống một cách trôi chảy. Người lớn tuổi học được nhiều nhất nếu tài liệu của

cơ sở giáo dục từ xa đã chuẩn bị sẵn, là những vấn đề trung tâm liên quan mật thiết với các vấn đề cá nhân và xã hội người học quan tâm. Vì vậy, việc thiết kế các tài liệu cho các môn học cần quan tâm đến các đặc tính phổ biến trong việc học tập của người lớn tuổi, tạo thuận lợi cho việc thiết kế các chương trình và thiết kế hướng dẫn môn học đạt hiệu quả cao.

Đối với học liệu không in ấn: Các cơ sở giáo dục từ xa cần sử dụng các học liệu không in ấn bao gồm: (i) audio/video cassette và đĩa CD; (ii) các chương trình phát thanh, truyền hình qua các chương trình phát sóng qua các trạm truyền hình và hệ thống phát thanh quốc gia. Để có thể tiếp cận với các vùng sâu vùng xa, hải đảo, khắc phục được mọi khó khăn về địa lý. Đối với đài phát thanh, đây cũng là phương tiện phổ thông đối với nhiều người dân Việt Nam và dễ truy cập thông tin với giá thành rẻ và dễ sử dụng. Các chương trình giáo dục trên truyền hình, băng video là các chương trình được các cơ sở giáo dục thiết kế, sản xuất phân phối để học viên tiếp cận với giáo dục từ xa một cách độc lập theo nguyên tắc học mở, và thích hợp với các khóa học ngôn ngữ và giao tiếp. Các chương trình này có thể chuyển tải các chủ đề phức tạp mà không thể xử lý được bằng cách khác và có thể dạy cho những học viên gặp khó khăn tiếp cận học liệu bằng các phương tiện khác. Các chương trình này cũng có thể cung cấp những hình ảnh minh họa thực tế cho các ý tưởng trừu tượng.

## **2.2. Hỗ trợ học tập (trực tiếp, điện thoại, fax, trực tuyến, phát thanh và truyền hình)**

Các cơ sở giáo dục từ xa cần tăng cường liên kết, hợp tác, phối hợp để: (i) chia sẻ tài nguyên học tập gọi là “consortium”, sự phổ biến rộng rãi của E-learning hiện nay trong giáo dục đã được tăng cường do sự xuất hiện của mã nguồn mở (OSS), làm cho phần mềm hệ thống quản lý học tập làm cho phần mềm hệ thống quản lý học tập (LMS) trở nên dễ dàng và tiện dụng hơn, vì E-learning làm cho giáo dục từ xa có tính tương tác nhiều hơn. Tuy nhiên, ở nước ta đào tạo trực tuyến (E-learning) có thể phải mất một số năm để khắc phục cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng truy cập vào các cơ sở công nghệ thông tin hiện đại như máy vi tính và Internet, phù hợp với yêu cầu của loại hình đào tạo mới này. Vì vậy, sự hội tụ của thiết kế hệ thống và

công nghệ cao chỉ là một bước nhỏ theo hướng tăng cường sự cởi mở của nền giáo dục một cách đầy đủ, trước mắt đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tại khu vực các thành phố lớn, nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng tương đối tốt và hoàn hảo, sau đó là các vùng nông thôn thuộc khu vực đồng bằng và miền núi, khi công nghệ thông tin đã trở thành phổ biến và cơ sở hạ tầng đã được đảm bảo; (ii) xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình và thiết kế học liệu, huy động đội ngũ giáo viên, giảng viên giỏi, các nhà khoa học, các chuyên gia trên nhiều lĩnh vực khác nhau tổ chức xây dựng chương trình, biên soạn một số môn học, đặc biệt là giáo trình và học liệu tự học phù hợp với học viên giáo dục từ xa, tăng khả năng tính liên thông giữa các cơ sở giáo dục từ xa trong nước.

Ở nước ta, ngành công nghiệp viễn thông di động đang phát triển mạnh mẽ, mạng di động có mặt khắp mọi nơi. Không giống như các thiết bị giao tiếp và máy tính được sử dụng trong giáo dục, mạng di động sử dụng cơ sở hạ tầng điện thoại di động, việc học tập qua mạng điện thoại di động hiện nay (M-learning) là rất phù hợp với các đối tượng học viên có công việc phải thường xuyên di chuyển như: (i) các doanh nhân; (ii) lực lượng vũ trang; (iii) các khu vực dân cư thuộc các bán đảo và hải đảo; (iv) ngư dân sinh sống và đánh bắt cá ngoài biển; (v) cán bộ, công nhân và các chuyên gia làm việc tại các khu công nghiệp ngoài biển. M-learning là một bộ phận của E-learning nhưng sử dụng các thiết bị di động. Vì vậy, M-learning sử dụng mạng viễn thông di động như một nguồn lực quan trọng đối với nước ta, đặc biệt là dành cho người lớn và cho người dân học tập suốt đời. Nhà nước và các cơ sở giáo dục từ xa trong nước nên tận dụng khai thác lợi thế loại hình công nghệ này, đáp ứng một phần các học viên lớn tuổi, có điều kiện ứng dụng công nghệ phục vụ cho quá trình học tập của mình, với điều kiện thương xuyên phải di chuyển theo công việc.

## **2.3. Đánh giá học viên (giám sát và tự đánh giá, trực tiếp và từ xa)**

Hệ thống đánh giá điện tử trong giáo dục từ xa bao gồm việc sử dụng công nghệ trực tuyến và cơ sở dữ liệu, hệ thống trả lời tự động. Phương pháp tiếp cận này thiết kế để giảm chi phí quản lý giáo dục. Tính năng nổi bật của mô hình là việc sử dụng các phương tiện điện tử để đánh giá học viên, nhiều

kỹ thuật đánh giá đang được sử dụng trong các cơ giáo dục của các nước và cách thức đưa ra hệ thống câu hỏi thông qua giao diện điện tử một cách đơn giản, dễ sử dụng ngày càng trở nên quan trọng. Đối với nước ta số lượng học viên giáo dục từ xa là rất lớn, việc chấm bài thi theo phương pháp thủ công ngày càng kém khả thi, và tốn kém thiếu khách quan. Vì vậy, việc đánh giá học viên bằng phương pháp điện tử và những thách thức đối với các cơ sở giáo dục từ xa trong việc triển khai thực hiện đánh giá điện tử. Đây cũng là những vấn đề kinh tế, công nghệ, quản lý và đạo đức.

Bài viết thảo luận về sự phát triển phương tiện giáo dục từ xa qua năm thế hệ của các nước trên thế giới theo mô tả của Taylor (2000) và cách thức mà các phương tiện khác nhau có thể kết hợp để tạo ra phương tiện mới. Công nghệ mới tương phản với sự

kết hợp sử dụng phương tiện cũ. Ở nước ta, trước sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin & truyền thông, đặc biệt là công nghệ thông tin di động, việc học tập qua mạng di động thường được liên kết với công nghệ xách tay hiện đại, có thể được coi như là biểu hiện mới các nguyên tắc của học tập qua mạng di động đã phát triển. Các nguồn học liệu mở, các nguồn phần mềm mở, đóng góp và chia sẻ tài liệu học tập và địa phương hóa phần mềm đang thực hiện nhanh chóng các bước hướng tới phương tiện truyền thông giáo dục và tài liệu học tập tiện ích miễn phí. Cơ sở hạ tầng công nghệ tại nước ta ngày càng được hoàn thiện, việc tiếp cận rộng rãi, việc giải phóng và tăng cường quá trình giáo dục suốt đời cho tất cả mọi người sẽ trở thành hiện thực. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

- [1]. Taylor, J. (2000) New Millenium Distance education. In V. Reddy and S. Manjulika (Eds.) *The World of Open and Distance Learning*. New Delhi: Viva. Online: [www.usq.edu.au/users/taylorj/publications-presentations/2000IGNOU.doc](http://www.usq.edu.au/users/taylorj/publications-presentations/2000IGNOU.doc)
- [2]. Bates, T. (1995) *Technology, Open learning and Developing Education*. New York: Routledge.
- [3]. Vigyan Rail (2003-04) *Science Exhibition on Wheels*. Online: [www.vigyanprasar.gov.in/vigyanrail.htm](http://www.vigyanprasar.gov.in/vigyanrail.htm)
- [5]. Chen Li, Wang Nan & Chen Hui Na (2007) E-learning in Chinese Schools and Universities. In J Baggaley & T. Belawati (Eds). *Distance Education Technology in Asia*. Lahore: Virtual Universerty of Pakistan.
- [6]. James, S. (1996a) Education media and “agit prop”. 2: The Vertov Process repatriated. *J. Education Media* 22, 3, pp. 111-123.
- [7]. James, S. (1996b) Education media and “agit prop”. 2: The Vertos Process repatriated. *J. Education Media* 22, 3, pp. 161-173.
- [8]. UNESCO (2002) *Impact of Open Courseware for Highter Education in Developing Countries*. Final report. Paris: UNESCO. Online: [unesdoc.unesco.org/images/0012/001285/12851e.pdf](http://unesdoc.unesco.org/images/0012/001285/12851e.pdf)
- [9]. Wiley, d. (Ed) (2000) *The Intrustional Use of Learning Ojects*. Bloomington, Indiana: Agency for Instructional Technology & Association for Educational Communications & Technology.
- [10]. Chaudhry, A & Khoo, C. (2006) *Issues in Developing a Repository of Learning Objects for LIS Education in Asia*. Paper Presented at World Library & Information Congress, Seoul, Kerea.
- [11]. Esselinh, B (2003) Localisation and Translation. In H. Somers (Ed.) *Computers and Translation: a translator's guide*. Amsterdam: Benjamins.